

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 819/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

**1. Bà Nguyễn Kim Ng, sinh năm 1989.**

Địa chỉ: Nhà không số, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh K1.

**2. Ông Đoàn Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1985.**

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 11, khu phố L, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 22/02/2021, ông Nh và bà Ng cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông Nh, bà Ng thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 29/4/2021. Ông Nh cư trú tại phường T thuộc thành phố Biên Hòa, bà Ng cư trú tại tỉnh K; ông, bà có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; do đó, đơn yêu cầu của ông Nh, bà Ng được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Ông Đoàn Nguyễn Thanh Nh và bà Nguyễn Kim Ng chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân phường Q, thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108/2012, quyển số 01/2012, ngày 13/11/2012. Ông Nh, bà Ng có 01 con chung tên Đoàn Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/02/2013. Ông Nh, bà Ng thỏa thuận giao con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Nh cấp dưỡng nuôi chung 2.500.000đồng/tháng (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Ông Nh, bà Ng xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình chung sống, ông Nh, bà Ng thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông Nh, bà Ng xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy ông Nh, bà Ng thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của ông Nh, bà Ng đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hân; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nh, bà Ng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Đoàn Nguyễn Thanh Nh và bà Nguyễn Kim Ng.

- Về con chung: ông Đoàn Nguyễn Thanh Nh và bà Nguyễn Kim Ng xác định có 01 con chung tên Đoàn Nguyễn Gia H, sinh ngày 17/02/2013. Ông Nh, bà Ng thỏa thuận giao con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Nh cấp dưỡng nuôi chung 2.500.000đồng/tháng (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính ngày ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nh, bà Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông Nh, bà Ng xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Nh, bà Ng mỗi người phải chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000813 ngày 09/4/2021 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, anh Nhã và chị Ngân đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

**THẨM PHÁN**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND nhân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**Đỗ Thị Huệ**